

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Đàm Quang	Huy	3671030042	25/08/1992	9,00	,00	2,70	
2	Hồ Quốc	Bảo	3671030049	14/03/1994	8,00	,00	2,40	
3	Phan Bá	Cầu	3671030067	23/12/1994	10,00	,00	3,00	
4	Đỗ Nhựt	Minh	3671030096	14/09/1994	8,00	4,50	5,60	
5	Trần Phạm Thanh	Tài	3671030098	16/10/1994	8,00	5,50	6,30	
6	Dương Trung	Quốc	3671030102	01/01/1994	9,00	4,80	6,10	
7	Nguyễn Thanh	Trọng	3671030116	02/11/1994	8,00	,00	2,40	
8	Lê Đức	Huy	3671030122	12/02/1993	9,00	3,80	5,40	
9	Nguyễn Thành	Phúc	3671030152	16/07/1994	9,00	4,00	5,50	
10	Lê Quang	Huy	3671030157	16/07/1994	9,00	4,50	5,90	
11	Lê Xuân	Thông	3671030163	01/01/1994	9,00	5,30	6,40	
12	Lương Hoàng	Lộc	3671030188	20/07/1994	10,00	,00	3,00	
13	Huỳnh Bạch Duy	Phát	3671030191	06/05/1994	9,00	6,30	7,10	
14	Hồ Võ Quốc	Bảo	3671030215	20/09/1994	9,00	4,30	5,70	
15	Nguyễn Hữu	Phiến	3671030225	24/07/1994	9,00	,00	2,70	
16	Phạm Chí	Hướng	3671030229	10/12/1994	10,00	2,80	5,00	
17	Tăng Thanh	Hùng	3671030258	10/05/1992	7,00	6,30	6,50	
18	Lê Minh	Nhật	3671030263	22/08/1994	9,00	3,50	5,20	
19	Nguyễn	Hoàng	3671030268	24/06/1994	8,00	,00	2,40	
20	Phạm Hà Việt	Anh	3671030295	17/11/1993	10,00	,00	3,00	
21	Lê Nhựt	Thanh	3671030298	03/09/1994	9,00	3,50	5,20	
22	Phạm Trọng	Hậu	3671030306	08/09/1994	9,00	2,30	4,30	
23	Lê Hồng	Thịnh	3671030309	22/09/1994	9,00	6,00	6,90	
24	Dương Ngọc	Thịnh	3671030313	02/03/1994	7,00	3,00	4,20	
25	Nguyễn Huỳnh	Đoàn	3671030330	06/10/1994	9,00	5,80	6,80	
26	Huỳnh Ngọc Thanh	Hoàng	3671030331	23/02/1994	7,00	4,00	4,90	
27	Nguyễn Thành	Đồng	3671030337	21/09/1994	,00	,00	,00	
28	Nguyễn Trần Ninh	Thuận	3671030340	01/07/1994	8,00	5,00	5,90	
29	Trần Thanh	Tân	3671030342	26/01/1994	8,00	4,80	5,80	
30	Nguyễn Thái Anh	Tuấn	3671030349	02/04/1993	9,00	2,80	4,70	
31	Hồ Tuấn	Anh	3671030355	26/09/1993	9,00	4,30	5,70	
32	Nguyễn Anh	Việt	3671030356	10/08/1991	8,00	2,50	4,20	
33	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	7,00	3,50	4,60	
34	Trương Quang	Lưu	3671030381	28/03/1994	9,00	3,80	5,40	
35	Ngô Minh	Nhân	3671030385	24/08/1994	8,00	3,50	4,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Duy	Châu	3671030398	24/06/1993	,00	,00	,00	
37	Trịnh Nam	Hiệp	3671030404	28/07/1993	7,00	,00	2,10	
38	Trần Công	Lịch	3671030440	17/07/1994	7,00	5,80	6,20	
39	Lưu Thanh	Hữu	3671030444	10/08/1994	9,00	,00	2,70	
40	Trần Công	Vinh	3671030458	10/03/1994	7,00	,00	2,10	
41	Võ Văn	Cương	3671030472	30/03/1994	9,00	,00	2,70	
42	Võ Văn	Vương	3671030478	15/12/1994	6,00	4,00	4,60	
43	Trần Minh	Bảo	3671030488	03/10/1994	9,00	,00	2,70	
44	Đoàn Minh	Khoa	3671030497	05/12/1994	9,00	2,50	4,50	
45	Phan Nhật	Huy	3671030507	09/02/1994	8,00	6,00	6,60	
46	Võ Thanh	Toàn	3671030516	28/11/1994	,00	,00	,00	
47	Lâm Văn	Huy	3671031611	25/06/1994	8,00	5,50	6,30	
48	Ngô Việt	Lâm	3671031630	15/02/1990	,00	,00	,00	
49	Châu Quang	Đại	3671031851	15/03/1994	8,00	,00	2,40	
50	Nguyễn Duy Huy	Hoàng	3671031860	10/04/1994	9,00	,00	2,70	
51	Nguyễn Văn	Trọng	3671031974	11/12/1993	,00	,00	,00	
52	Nguyễn Hồ Vũ	Cường	3671050415	05/12/1993	6,00	,00	1,80	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)